

Bản án số: 78/2023/DS - PT
Ngày : 14 - 7 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương;

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Bích Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLPT-DS ngày 15-6-2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS – ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 118/2023/QĐXX-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Quang T, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 262, đường Ngọc H, thị trấn Văn Đ, huyện Thanh T, thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T - Luật sư của Công ty Luật TNHH Á Châu Việt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 27, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu tập thể đoàn 6 Hải Q, phường Anh D, quận Dương K, thành phố Hải P;

2. Bà Trịnh Thị Kim O, sinh năm 1969;

3. Bà Trịnh Thị Hồng T; sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Xóm 22, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định;

4. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 14/10, đường ngang Hạ L, phường Đằng H, quận Hải A, thành phố Hải P;

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T:* Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 27, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 17-8-2022).

5. Ông Trịnh Việt M, sinh năm 1949; địa chỉ: Khu phố 1, phường 4, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;

6. Anh Trịnh Quang T1, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 262, đường Ngọc H, thị trấn Văn Đ, huyện Thanh T, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông M, anh T:* Ông Trịnh Quang T, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 262, đường Ngọc H, thị trấn Văn Đ, huyện Thanh T, Thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 29-10-2022, ngày 24-4-2023).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 24, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn Hoàng T, xã Mỹ S, huyện Văn G, tỉnh Hưng Y.

- *Người kháng cáo:* Ông Trịnh Quang T là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Ông T, bà N, bà L, bà O, luật sư T có mặt; bà B, ông M, bà T, anh T, ông H, bà L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trịnh Quang T trình bày: Bố mẹ ông là Trịnh Quang N (chết năm 2002) và Phạm Thị Y (chết năm 2007). Bố mẹ ông sinh được 06 người con là Trịnh Thị L, Trịnh Quang T, Trịnh Thị N, Trịnh Thị Kim O, Trịnh Thị Hồng T và Trịnh Thị B. Ngoài ra, bố ông còn có 01 con riêng là Trịnh Việt M. Di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là 388,8 m² đất ở nông thôn và 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 34 bản đồ địa chính xã Xuân H lập năm 2007. Trước khi qua đời, mẹ ông đã lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản của bà cho cháu đích tôn là Trịnh Quang T1 (con trai ông), di chúc này hiện bà N đang cất giữ. Sau khi mẹ ông qua đời thì bà N vẫn sống trên đất của bố mẹ ông để lại; ông và vợ ông không sống trên đất này nhưng đã dày công tôn tạo như trồng cây, đổ đất, san nền, xây tường bao. Trước đây, anh em ông đã thỏa thuận với nhau sẽ sử dụng một phần đất khoảng 155 m² để xây nhà từ đường dùng chung cho gia đình, phần còn lại sẽ chia đều cho các đồng thừa kế, nhưng đến nay vẫn không thực hiện được thỏa thuận trên.

Nay ông đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bố mẹ ông để lại trong tổng số 388,8 m² đất ở và 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản và căn nhà cấp 4 trên thửa đất 105, tờ bản đồ số 34 bản đồ địa chính xã Xuân H lập năm 2007 và công nhận di chúc mẹ ông cho cháu Trịnh Quang T1 và bà N là người đang giữ di chúc này. Ông đã cung cấp cho Toà án 01 chiếc USB có chứa đoạn video mà mẹ ông đã di chúc lại cho cháu Tú.

* Tại Bản tự khai và lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày: Về thành phần gia đình cũng như di sản thừa kế của bố mẹ bà là Trịnh Quang N và Phạm Thị Y đúng như lời trình bày của Ông T. Khi bố mẹ bà chết đều không để lại di chúc, Ông T trình bày mẹ bà để lại di chúc cho cháu Tú hưởng phần di sản thừa kế của bà và cho rằng bà đang giữ di chúc là không đúng. Trước kia khi còn sống, bố bà nói là từ mép ngõ đến ngõ bà Khăng là của Ông T, còn lại là của mẹ con bà. Trước khi ông bà nội bà chết có nói cho bà 04 miếng đất, tính ra là 144 m² và mẹ bà cũng nói cho bà 02 miếng nữa. Năm 2013, bà có nói với Ông T cắt đất cho bà thì Ông T có hứa trước di ảnh của tổ tiên là cắt đủ số đất ông bà, bố mẹ đã cho bà nhưng sau đó thì Ông T không thực hiện. Còn việc xây từ đường thì bà không đồng ý vì gia đình bà theo đạo Công giáo nên không cần phải xây từ đường. Di sản của bố mẹ bà để lại là 388,8 m² đất ở và 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản. Bố mẹ bà chết đều không để lại di chúc nên bà đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ bà theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trịnh Việt M trình bày: Ông được hưởng phần thừa kế của cha ông là Trịnh Quang N, phần này ông sẽ nhận nhưng vì dịch bệnh và điều kiện đi lại khó khăn nên ông xin được vắng mặt khi giải quyết vụ việc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trịnh Thị L, bà Trịnh Thị Kim O, bà Trịnh Thị B trình bày: Về thành phần gia đình như lời trình bày của Ông T, bà N là đúng. Việc Ông T trình bày mẹ các bà để lại di chúc định đoạt toàn bộ di sản của bà cho cháu Trịnh Quang T1 là không đúng, bản thân Ông T cũng không xuất trình được di chúc này. Và cũng tại biên bản hoà giải năm 2016 tại UBND xã Xuân H cũng thể hiện bố mẹ các bà chết đi không để lại di chúc, biên bản hoà giải này Ông T cũng đã ký xác nhận sự việc đó. Các bà khẳng định bố mẹ chết không để lại di chúc gì nên đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của bố mẹ theo quy định của pháp luật là diện tích đất 388,8 m² đất ở và 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản. Các bà nhất trí với kết quả đo đạc thực tế là 501 m². Kỳ phần thừa kế của các bà được hưởng bao nhiêu thì các bà nhận bấy nhiêu và nhận quyền sử dụng đất. Nay bà N và chị em các bà đều đề nghị Toà án giải quyết triệt để vụ án để tránh khiếu kiện kéo dài và cũng là để tránh tranh chấp xảy ra sau này.

* Người làm chứng ông Vũ Văn H trình bày: Ông là hàng xóm của cụ Phạm Thị Y từ năm 2005 đến năm 2012. Ông nhớ khoảng năm 2007, cụ Yên có nhờ ông đến nhà để lập di chúc cho cụ Yên với nội dung: Cụ Yên để lại toàn bộ di sản của cụ là quyền sử dụng đất tại xóm 27, xã Xuân H cho cháu nội là Trịnh Quang T1.

Cụ Yên là người đọc di chúc, ông đã chép tay lại đầy đủ ý nguyện của cụ. Ông đã đọc lại nội dung cho cụ Yên nghe, cụ Yên đã ký vào bản di chúc này trước sự chứng kiến của ông và bà Vũ Thị L. Sau đó ông và bà L1 đã ký vào bản di chúc này với tư cách người làm chứng. Cụ Yên giao bản di chúc này cho ông lưu giữ nhưng sau đó bà Trịnh Thị N đã mượn về để đi kê khai cấp giấy chứng nhận rồi đến nay không trả lại ông.

* Người làm chứng bà Vũ Thị L trình bày: Bà và cụ Yên không có quan hệ họ hàng hay nuôi dưỡng, bà là người trực tiếp chăm sóc cụ những năm cuối đời đến khi cụ chết. Khoảng tháng 3/2007, cụ Yên có nhờ ông Vũ Văn H là hàng xóm của cụ đến nhà để lập di chúc cho cụ với nội dung: Cụ Yên để lại toàn bộ tài sản của cụ là quyền sử dụng đất tại xóm 27, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định cho cháu nội là Trịnh Quang T1. Cụ Yên là người đọc di chúc, ông H chép tay lại đầy đủ ý nguyện của cụ và đọc lại nội dung di chúc cho cụ nghe. Cụ Yên đã ký vào bản di chúc này trước sự chứng kiến của bà và ông H. Sau đó bà và ông H đã ký vào bản di chúc này với tư cách người làm chứng. Cụ Yên giao bản di chúc trên cho ông H lưu giữ nhưng sau đó bà Trịnh Thị N đến mượn về để đi kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đến nay không trả lại.

* Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 01/4/2022 thể hiện: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34, xã Xuân H lập năm 2007 có diện tích 388,8 m² đất ở, 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản; đo đạc thực tế 501 m², trong đó có: một nhà cấp bốn 3 gian của cụ Nhượng, cụ Yên xây dựng năm 1990; tường bao phía đông, nam, bắc xây dựng năm 2021; 01 sân bê tông xây dựng năm 2019; 2 trụ cổng xây năm 2021, tất cả các công trình tường bao và trụ cổng có giá trị sử dụng còn lại là 50.000.000đ; sân bê tông có giá là 12.000.000đ; nhà đã hết giá trị sử dụng. Tường và sân do Ông T xây dựng, tại phiên toà Ông T không yêu cầu các đương sự khác phải thanh toán giá trị chênh lệch cho Ông T. Giá trị tài sản là quyền sử dụng đất: Đất ở 6.000.000đ/m²; đất ao, vườn 75.000đ/m²; giá đất giao dịch tại thời điểm định giá theo giá thị trường là 13.000.000 đ/m² đất ở; đất vườn, ao 7.000.000đ/m².

* Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại UBND xã Xuân H ngày 25/5/2022 thể hiện: Về nguồn gốc đất tranh chấp theo bản đồ địa chính xã Xuân H lập năm 1987: Diện tích đất tranh chấp là một phần của các thửa đất: Thửa 340, tờ bản đồ số 6, diện tích 790 m² (trong đó đất ở 360 m², thổ canh 360 m², đất ao 70 m²), đứng tên Nhượng, tức Nhự (bố Ông T, bà N). Thửa 341, tờ bản đồ số 6, diện tích 96 m² đều là đất ở, đứng tên ông Trịnh Văn Nghệ là ông nội Ông T. Và một phần của thửa đất 366, tờ bản đồ số 06, tổng diện tích thửa 366 là 288 m².

Theo bản đồ địa chính xã Xuân H lập năm 1992: Diện tích đất tranh chấp là thửa 51, tờ bản đồ số 30, diện tích 445 m², đứng tên Nhự; trong đó đất ở 250 m², ao 153 m², đất vườn 42 m². Đất ông Nhự giảm đi là do tách một phần thửa đất cho ông Trịnh Quang T, một phần chuyển nhượng cho ông Sơn.

Theo bản đồ địa chính xã Xuân H lập năm 2007: Đất đang tranh chấp là một

phần thửa số 105, tờ bản đồ 34, diện tích 692,3 m², đứng tên hai hộ sử dụng đất là Kiều và Yên (do đang có tranh chấp). Ông Kiều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2005, diện tích 160 m².

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, ông Trịnh Quang T, ông Tống Văn Kiều cũng đã có văn bản xác nhận ranh giới, mốc giới đất của hai hộ. Ông T cũng đã tiến hành xây tường bao cho toàn bộ phần diện tích ranh giới đất giữa hai hộ. Cơ sở xóm và địa phương cũng đã xác nhận việc này. Do vậy, diện tích đất trong vụ án đang tranh chấp là 532,3 m².

Việc tranh chấp giữa các anh, chị em trong gia đình Ông T đã diễn ra từ lâu. Năm 2016, địa phương cũng đã tiến hành hoà giải 02 lần nhưng bà L ở Hải P không về nên không hoà giải được.

Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 01/4/2022: Thửa đất đang tranh chấp có diện tích 501 m².

Về các thành viên trong gia đình: Bố mẹ ông Trịnh Quang T và bà Trịnh Thị N là cụ Trịnh Quang N (tức Nhự) và Phạm Thị Y; cụ Nhự mất năm 2002, cụ Yên mất năm 2007. Cụ Nhự và cụ Yên có để lại di chúc hay không thì địa phương không nắm được; địa phương không lưu giữ tài liệu gì liên quan đến di chúc của hai cụ. Cụ Nhượng và cụ Yên có 06 con chung là Trịnh Quang T, Trịnh Thị L, Trịnh Thị N, Trịnh Thị Kim O, Trịnh Thị B và Trịnh Thị Hồng T. Ngoài ra, cụ Nhượng còn có 01 con riêng là Trịnh Việt M, hiện đang sinh sống ở tỉnh Hậu Giang.

Quan điểm chung của địa phương: Đề nghị Tòa án tiến hành hoà giải để các đương sự thống nhất trong việc chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, giữ gìn tình cảm anh, chị em trong gia đình. Trường hợp không thống nhất được thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trịnh Quang T, bà Trịnh Thị N vẫn giữ nguyên ý kiến; Ông T không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thanh toán giá trị chênh lệch về việc xây tường bao, trụ cổng và đồ sân bê tông; các đương sự cũng không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau. Xác định và công nhận phần đất có diện tích đo đạc thực tế 501 m² là di sản thừa kế của cụ Nhượng, cụ Yên và chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

* Bản án sơ thẩm số 45/2022/DS – ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 649, 650, 651, 654, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự; các Điều 95, 168, 170 của Luật đất đai; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Quang T đối với bà Trịnh Thị N về việc chia thừa kế tài sản của cụ Trịnh Quang N (tức Nhự) và cụ Phạm Thị Y để lại là hợp pháp.

Xác định di sản chung của vợ chồng cụ Trịnh Quang N (tức Nhự) và cụ Phạm Thị Y là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 diện tích là 501m² xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 27 (nay là xóm 12), xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

Xác định người hưởng thừa kế của cụ Trịnh Quang N (tức Nhự) gồm: Bà Trịnh Thị L, ông Trịnh Quang T, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Kim O, bà Trịnh Thị Hồng T, bà Trịnh Thị B, ông Trịnh Việt M.

Xác định người hưởng thừa kế của cụ Phạm Thị Y gồm: Bà Trịnh Thị L, ông Trịnh Quang T, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Kim O, bà Trịnh Thị Hồng T, bà Trịnh Thị B.

Về chia di sản thừa kế:

Chia cho bà Trịnh Thị L được quyền sử dụng 77,5 m² (trong đó đất ở 40 m², đất vườn 37,5 m²) thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng trên phần đất này.

Chia cho ông Trịnh Quang T được quyền sử dụng 77,5 m² (trong đó đất ở 28,5 m², đất vườn 49,0 m²) thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng trên phần đất này.

Chia cho bà Trịnh Thị N được quyền sử dụng 77,5 m² (trong đó đất ở 28,1 m², đất vườn 49,4 m²) thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng trên phần đất này.

Chia cho bà Trịnh Thị Kim O được quyền sử dụng 77,5 m² (trong đó đất ở 28,0 m², đất vườn 49,5 m²) thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng trên phần đất này.

Chia cho bà Trịnh Thị Hồng T được quyền sử dụng 77,5 m² (trong đó đất ở 28,8 m², đất vườn 48,7 m²) thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng trên phần đất này.

Chia cho bà Trịnh Thị B được quyền sử dụng 77,5 m² (trong đó đất ở 28,2 m², đất vườn 49,3 m²) thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng trên phần đất này.

Chia cho ông Trịnh Việt M được quyền sử dụng 36,0 m² (trong đó đất ở 18,4 m², đất vườn 17,6 m²) thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 xã Xuân H lập năm 2007 tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng trên phần đất này.

(Độ dài các cạnh, diện tích từng loại đất cụ thể các đương sự được quyền sử dụng có sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án).

Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký, làm thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Các đương sự không phải thanh toán giá trị tài sản cho nhau.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 22-9-2022 của ông Trịnh Quang T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án vì Tòa án nhân dân huyện Xuân T đã không công bằng và khách quan trong việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trịnh Quang T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo, bà Trịnh Thị N không chấp nhận lý do kháng cáo của Ông T, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Trịnh Quang N và cụ Phạm Thị Y để lại gồm: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 bản đồ địa chính xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định diện tích là 388,8 m² đất ở nông thôn và 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cho ông Trịnh Quang T được quyền sử dụng 77,5 m² (trong đó đất ở 28,5 m², đất vườn 49,0 m²) là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của Ông T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Trịnh Quang T làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị Hồng T đã uỷ quyền cho bà Trịnh Thị N, anh Trịnh Quang T1, ông Trịnh Việt M đã uỷ quyền cho ông Trịnh Quang T, bà Trịnh Thị B đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trịnh Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Quang N và cụ Phạm Thị Y chết để lại diện tích đất là 388,8 m² đất ở nông thôn và 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 bản đồ địa chính xã Xuân H. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” như cấp sơ thẩm đã xác định là chính xác.

[4] Xét về nội dung kháng cáo của ông Trịnh Quang T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án vì Toà án nhân dân huyện Xuân T đã không công bằng và khách quan trong việc giải quyết vụ án thấy rằng: Về di sản thừa kế, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của tất cả các đương sự trong vụ án đều trình bày nguồn gốc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 34 có diện tích hiện trạng còn lại là 501m² tại xóm 12, xã Xuân H, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định là của vợ chồng cụ Nhượng và cụ Yên chết để lại có nguồn gốc đất do tổ tiên để lại cho hai cụ. Trên đất hai cụ có xây 01 nhà cấp bốn 3 gian, đến nay đã hết giá trị sử dụng. Cụ Nhượng và cụ Yên đều đã chết nên phần tài sản của hai cụ để lại được xác định là di sản thừa kế theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét ông Trịnh Quang T trình bày trước khi qua đời, mẹ ông là cụ Yên đã lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản của bà cho cháu đích tôn là Trịnh Quang T1 (con trai ông), di chúc này hiện bà N đang cất giữ. Nay ông đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bố mẹ ông để lại trong tổng số 388,8 m² đất ở và 135,2 m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất 105, tờ bản đồ số 34 bản đồ địa chính xã Xuân H lập năm 2007 và công nhận di chúc cho cháu Trịnh Quang T1 và bà N là người đang giữ di chúc này. Ông đã cung cấp cho Toà án 01 chiếc USB có chứa đoạn video mà mẹ ông đã di chúc lại cho cháu Tú. Ông T trình bày và cung cấp cho Toà án đoạn video ghi lại hình ảnh cụ Yên để lại di chúc cho cháu Tú hưởng phần di sản thừa kế của cụ và cho rằng bà N đang giữ bản di chúc là không đúng, không có căn cứ vì không có lý do gì khi lập di chúc cho cháu Tú có mặt vợ chồng Ông T mà lại đưa di chúc cho bà N cất giữ, trong khi đó bà N không có mặt trong video và cũng không được hưởng lợi gì từ di chúc này. Mặt khác, điều kiện để di chúc bằng video có hiệu lực phải căn cứ vào khoản 5 Điều 630 của Bộ luật Dân sự quy định như sau: Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng. Ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày

làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng. Di chúc bằng video không hợp pháp thì di chúc sẽ không có hiệu lực pháp luật, do vậy sẽ không làm phát sinh quan hệ thừa kế theo di chúc. Nếu người để lại di chúc bằng video đã chết thì căn cứ Điều 651 của Bộ luật Dân sự về chia tài sản thừa kế theo pháp luật. Như vậy, có thể thấy, di chúc miệng cũng được xem là một hình thức của di chúc nhưng điều kiện để công nhận di chúc miệng hợp pháp khắt khe hơn rất nhiều so với di chúc bằng văn bản. Do vậy, chiếc USB có chứa đoạn video ghi lại cảnh mẹ ông đã di chúc lại cho cháu Tú không được công nhận là di chúc hợp pháp. Căn cứ vào các quy định trên thì di chúc của cụ Yến được thể hiện dưới dạng đoạn video chưa đáp ứng điều kiện của di chúc hợp pháp vì vậy di sản sẽ được chia thừa kế theo quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự quy định những trường hợp thừa kế theo pháp luật "Di chúc không hợp pháp". Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của Ông T. Như vậy di sản thừa kế của cụ Nhượng, cụ Yến sẽ được chia thừa kế theo pháp luật.

[6] Thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế: Cụ Trịnh Quang N chết năm 2002, cụ Phạm Thị Y chết năm 2007 hai cụ chết không để lại di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 có quy định “thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản,” cho nên đối với phần di sản của hai cụ vẫn còn nằm trong thời hiệu khởi kiện nên được phân chia theo quy định của pháp luật. Đến nay tất cả các đương sự cũng đều công nhận nguồn gốc diện tích đất đó là tài sản chung của cụ Nhượng và cụ Yến là đúng sự thật nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xác định diện và hàng thừa kế: Di sản thừa kế của cụ Nhượng và cụ Yến được đo đạc hiện trạng hiện nay chỉ còn lại diện tích là 501 m^2 sẽ được chia theo pháp luật. Vợ chồng cụ Nhượng, cụ Yến có 6 người con đẻ gồm: Bà Trịnh Thị L, ông Trịnh Quang T, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Kim O, bà Trịnh Thị Hồng T và bà Trịnh Thị B. Theo phân tích đánh giá ở trên, phần di sản của cụ Yến để lại được chia cho 6 người con, mỗi người được hưởng kỷ phần là $1/6$ với diện tích mỗi kỷ phần là $250,5 \text{ m}^2 : 6 = 41,75 \text{ m}^2$ đất. Ngoài ra, cụ Nhượng còn có 01 con riêng là ông Trịnh Việt M. Như vậy, di sản cụ Nhượng để lại được chia cho 7 người con, mỗi người được hưởng kỷ phần là $1/7$ với diện tích mỗi kỷ phần là $250,5 \text{ m}^2 : 7 = 35,78 \text{ m}^2$. Các đương sự đều có yêu cầu chia bằng hiện vật, yêu cầu này có cơ sở chấp nhận vì thổ đất này có diện tích lớn lại có một mặt tiếp giáp với đường 489, chiều rộng mặt đường và chiều dài, đảm bảo tương xứng với một diện tích sử dụng làm nhà ở được để chia cho các bên cùng sử dụng là phù hợp với các Điều 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cần chia cho bà Trịnh Thị L, ông Trịnh Quang T, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Kim O, bà Trịnh Thị Hồng T và bà Trịnh Thị B mỗi người được quản lý, sử dụng là $77,5 \text{ m}^2$, chia cho ông Trịnh Việt M được quản lý, sử dụng là $36,0 \text{ m}^2$, các đương sự trong vụ án

không phải thanh toán giá trị tài sản cho nhau là hoàn toàn phù hợp.

[8] Về công sức: Các đương sự đều không có yêu cầu xem xét về công sức bảo quản, duy trì di sản cũng như về phần xây dựng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm Ông T không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của Ông T là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của Ông T không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được chia di sản thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Trịnh Quang T không được chấp nhận nên Ông T phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, Số tiền Ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được đối trừ vào số tiền Ông T phải nộp.

[12] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Quang T. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 654; Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 95, Điều 168, Điều 170 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 45/2022/DS – ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trịnh Quang T phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003067 ngày 30-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai Hương

Vũ Thị Thu

Lại Văn Tùng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân T;
- TAND huyện Xuân T;
- Chi cục THADS huyện Xuân T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Văn Tùng